

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2019

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa chị T và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 19-3-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 4/7 đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; Hiện đang cư trú tại: Số nhà 19 ngõ 101 đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 4/7 đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố N vào ngày 04 tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa chỉ số nhà 4/7 đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách, anh H không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và có những lời nói xúc phạm nhau. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng do mâu thuẫn kéo dài cộng thêm khó khăn về kinh tế nên vợ chồng vẫn tiếp tục bất hòa làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn gay gắt nên chị đã đưa con về cư trú tại số nhà 19 ngõ 101 đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình từ đầu năm 2018, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ánh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2013, hiện nay đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Đức H xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của chị T là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung: Anh nhất trí giao con là Nguyễn Hoàng Ánh D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh nhất trí với việc chị T không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh H cư trú đã cung cấp: Quá trình chung sống chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống tính cách, hiện nay chị T và anh H đã sống ly thân. Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ánh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2013, hiện nay đang ở với chị T. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Đức H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Ánh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố N vào ngày 04 tháng 7 năm 2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng nảy sinh những bất đồng, không hòa hợp về lối sống và tính cách, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế nên thường xuyên cãi vã, có lời nói xúc phạm nhau nên hiện nay chị T và anh H đã sống ly thân. Hai bên đã được Tòa án hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng anh H không đến tham gia hòa giải còn chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với anh H nữa. Điều đó cho thấy, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H xác nhận có một con chung là Nguyễn Hoàng Ánh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2013, hiện nay đang ở với chị T. Xét thấy anh Nguyễn Đức H nhất trí để chị T nuôi con chung; chị T có công việc, thu nhập và nơi ở rõ ràng nên để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Ánh D, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Đức H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Không ai được hạn chế, cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Thủy đã nộp theo biên lai số 0000453 ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND p. Đ, TP. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng